

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2026
“V/v Ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Phong
và chị Hồ Thị Mộng Liên”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quốc Huy và ông Nguyễn Thế Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Huế tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế (Số F đường N, phường T, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 272/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh ngày 11/10/1985; căn cước công dân số 046085014517; địa chỉ: Số B đường Đ, phường T, thành phố H, có mặt;

- Bị đơn: Chị Hồ Thị Mộng L, sinh năm 1991; căn cước công dân số 046191005917; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số B đường Đ, phường T, thành phố H; nơi ở hiện nay: 130 O, B, ON N3R7Z6, Canada, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2026, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh và chị Hồ Thị Mộng L tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 23/02/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường T, thành phố H). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh P ở địa chỉ số B đường Đ, phường T, thành phố H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng. Đến khoảng tháng 5/2024 chị L đã xuất cảnh sang Canada và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay mà không còn quan tâm gì đến nhau. Do tình trạng mâu thuẫn kéo

dài, tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Hồ Quang H, sinh ngày 01/01/2013 và Nguyễn Hồ Quang H1, sinh ngày 18/02/2017. Hiện nay các cháu đều đang ở với anh P. Các cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh P. Sau ly hôn anh P yêu cầu giao các cháu Nguyễn Hồ Quang H và Nguyễn Hồ Quang H1 cho anh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu chị Hồ Thị Mộng L cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh P xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Bị đơn chị Hồ Thị Mộng L tại bản tự khai ngày 25/4/2026 đã trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn chị thống nhất như ý kiến của anh Nguyễn Văn P. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Anh, chị đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng. Khoảng từ tháng 5/2024 chị đã xuất cảnh sang Canada để sinh sống và làm việc từ đó cho đến nay. Từ đó đến nay anh chị không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nên chị đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh P.

Về con chung: Chị L công nhận vợ chồng có 02 con chung như anh P đã trình bày. Do ở xa nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu. Chị đồng ý giao cả 02 cháu Nguyễn Hồ Quang H, sinh ngày 01/01/2013 và Nguyễn Hồ Quang H1, sinh ngày 18/02/2017 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Chị L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh P có đơn đề nghị không tiếp tục tiến hành hòa giải, chị L đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị L không đến và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành phiên họp, phiên hòa giải theo thủ tục tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân

sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho anh Nguyễn Văn P được ly hôn với chị Hồ Thị Mộng L; giao các cháu Nguyễn Hồ Quang H, sinh ngày 01/01/2013 và Nguyễn Hồ Quang H1, sinh ngày 18/02/2017 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Hồ Thị Mộng L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn P khởi kiện yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hồ Thị Mộng L, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là chị Hồ Thị Mộng L có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại địa chỉ số B đường Đ, phường T, thành phố H nay ở tại A O, B, ON N, Canada. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Huế thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Hồ Thị Mộng L đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P và chị Hồ Thị M Liên kết hôn có đăng ký, được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường T, thành phố H) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19/2012, quyển số 01/2012, ngày 23/02/2023. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ có cơ sở xác định nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ những xung đột, bất đồng quan điểm mà anh P, chị L đã không thể tự giải quyết được. Anh, chị đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã khiến cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, thậm chí chị L đã xuất cảnh sang Canada sinh sống kể từ tháng 5/2024 và vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay mà không còn liên lạc gì đến nhau. Như vậy, việc anh P và chị L không chung sống với nhau, không có trách nhiệm chăm lo cho nhau là không thể hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghĩa vụ giữa

vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án đã triệu tập tham gia phiên hòa giải nhưng chị L không đến và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh P có đơn đề nghị không tiếp tục hòa giải. Chứng tỏ, anh, chị không có thiện chí hàn gắn tình cảm khiến cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho anh Nguyễn Văn P được ly hôn theo yêu cầu và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[5] Về con chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Hồ Thị Mộng L xác nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Hồ Quang H, sinh ngày 01/01/2013 và Nguyễn Hồ Quang H1, sinh ngày 18/02/2017. Hiện nay các cháu đều đang ở với anh Nguyễn Văn P.

Xét các cháu đều đã trên 7 tuổi, hiện đang ở với anh Nguyễn Văn P và đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh Nguyễn Văn P. Quá trình giải quyết vụ án, anh P, chị L đều thống nhất giao các con cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để bảo đảm ổn định cuộc sống, việc học tập và quyền lợi mọi mặt, cần giao các cháu Nguyễn Hồ Quang H và Nguyễn Hồ Quang H1 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là có căn cứ.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa không ai có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn P được ly hôn với chị Hồ Thị Mộng L; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao các cháu Nguyễn Hồ Quang H, sinh ngày 01/01/2013 và Nguyễn Hồ Quang H1, sinh ngày 18/02/2017 cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Hồ Thị Mộng L không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về Tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn P chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001304 ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H; anh Nguyễn Văn P đã nộp đủ án phí, nay không phải nộp.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người nêu trên vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Thuận Hóa, thành phố Huế;
(Anh Phong, chị Liên đăng ký kết hôn số 19/2012,
quyển số 01/2012 ngày 23/02/2012 tại UBND
phường Trường An - cũ);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA;
- Lưu: AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Quang Bình